

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2020/DSST.**

Ngày: **28/12/2020**

V/v “tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lư Thành Danh.**

2/ Ông **Nguyễn Văn Sang.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Bảo Trân**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2020. Về tranh chấp “**Hợp đồng vay tài sản**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2020/QĐXXST, ngày 07 tháng 12 năm 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **LÃ THỊ DIỆU H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 41, N K, P. V M, Q. Đống Đa, Hà Nội.

Chỗ ở: số 104, N Đ, P. A T, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: bà **Bùi Ngọc Tổ** sinh năm 1955 (Giấy ủy quyền ngày 07/12/2020) (có mặt)

Bị đơn:

1/ Ông **PHẠM MINH B**, sinh năm 1984.

2/ Bà **DƯƠNG THỊ MỸ T**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: số 15, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2020 và Biên bản hòa giải ngày 18/11/2020 thì nguyên đơn có cho ông Phạm Minh B vay số tiền là 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên có làm Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2020, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 8 ngày (đến ngày 30/7/2020 trả gốc), nếu vi phạm thì phạt 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Nhưng từ khi vay đến nay ông B không trả vốn và lãi theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Minh B và vợ Dương Thị Mỹ T trả số nợ 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo qui định.

Bị đơn Phạm Minh B thừa nhận đã vay của nguyên đơn số tiền và thỏa thuận lãi, thời hạn trả như trên. Riêng số tiền phạt 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nếu vi phạm thì không có thỏa thuận. Thừa nhận có ký tên trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2020 như nguyên đơn trình bày. Bị đơn trình bày đã nhờ Thái Hoàng N mang trả cho nguyên đơn được 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng), nhưng không có biên nhận. Ông B chỉ đồng ý trả nợ gốc còn lại là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận số tiền phạt 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) do vi phạm hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ kiện, tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Phạm Minh B và Dương Thị Mỹ T cố tình vắng mặt không đến. Sau khi tiến hành các thủ tục cần thiết, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai vắng mặt các bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn Phạm Minh B và Dương Thị Mỹ T vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đòi bị đơn Phạm Minh B có trách nhiệm trả số nợ gốc 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo qui định. Rút lại yêu cầu phạt 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và rút yêu cầu buộc bà Dương Thị Mỹ T liên đới trả số nợ trên.

Đại diện Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số nợ 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất

theo qui định. Bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2020 và thừa nhận của bị đơn trong quá trình hòa giải là có cơ sở. Việc bị đơn trình bày đã trả được số tiền 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) thông qua người làm chứng Thái Hoàng N nhưng không có biên nhận và chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Phạm Minh B trả lại số tiền nêu trên và lãi suất theo qui định. Đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà Dương Thị Mỹ T và số tiền phạt, đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của phía nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2020 gốc (BL 01) thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thoả thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thoả thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về số nợ gốc, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định ông Phạm Minh B có vay của bà Lã Thị Diệu H số tiền 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Tại Biên bản hòa giải ngày 18/11/2020 (BL 39-40) và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cùng ngày 03/11/2020 (BL 31/32), ông B cũng thừa nhận chữ ký tên người vay tiền trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2020 gốc (BL 01) là do chính ông viết và ký tên. Không có cơ sở xác định bị đơn đã trả được số tiền 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) thông qua người làm chứng Thái Hoàng N vì bị đơn nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể và cũng không có biên nhận của nguyên đơn. Người làm chứng cũng xác định không nhớ rõ thời gian trả và không có làm biên nhận (BL 18, 20). Tuy bị đơn có cung cấp chứng cứ là bản photo liệt kê số tiền thanh toán (BL13) nhưng không có chữ ký xác nhận của nguyên đơn, không chứng minh được việc bị đơn đã trả số tiền này. Ngược lại, nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Thậm chí Tòa án triệu tập xét xử nhiều lần vẫn không đến, thái độ xem thường pháp luật. Coi như bị đơn đã tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và mặc nhiên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn, buộc bị đơn Phạm Minh B phải trả số nợ gốc cho nguyên đơn là **1.250.000.000 đồng** (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

[4] Về lãi suất: căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2020, hai bên đã thống nhất mức lãi suất theo thỏa thuận của là 9,5%/năm (tức 0,79%/tháng), phù hợp theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Từ ngày 23/7/2020 đến tại thời điểm xét xử là 5 tháng 5 ngày. Nên tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$1.250.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 0,79\%/\text{tháng} = \mathbf{51.020.800 \text{ đồng}}$
(Năm mươi một triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng).

Riêng về số tiền phạt 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) do vi phạm thỏa thuận, phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[5] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Riêng đối với yêu cầu buộc bà Dương Thị Mỹ T liên đới trả nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ căn cứ vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2020 gốc (BL 01) do nguyên đơn cung cấp thì người vay tiền là bị đơn Phạm Minh B, bà Dương Thị Mỹ T không ký tên vào các hợp đồng nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn cũng tự nguyện rút lại yêu cầu này, nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là $36.000.000 \text{ đồng} + 3\%(1.250.000.000 \text{ đồng} + 51.020.800 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 51.030.624 \text{ đồng}$ (Năm mươi một triệu không trăm ba mươi ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của bà **Lã Thị Diệu H.** Buộc ông **Phạm Minh B** có nghĩa vụ trả cho bà Lã Thị Diệu H số nợ gốc 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi 51.020.800 đồng (Năm mươi một triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng), tổng cộng

là **1.301.020.800 đồng** (Một tỷ ba trăm lẻ một triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lã Thị Diệu H đòi bà **Dương Thị Mỹ T** có trách nhiệm liên đới cùng với ông Phạm Minh B trả số nợ trên.

3/ Bị đơn ông Phạm Minh B phải chịu 51.030.624 đồng (Năm mươi một triệu không trăm ba mươi ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng) án phí dân sự theo giá ngạch.

Nguyên đơn Lã Thị Diệu H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.250.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 006402 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND P. T T hoặc từ khi nhận được bản án ông Phạm Minh B và bà Dương Thị Mỹ T được quyền kháng cáo đề xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung